TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01 - 2026
"Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Nguyễn Thị Mai.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 022189003782; địa chỉ: Tổ 4, khu N, phường V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phúc H, sinh năm 1984; số căn cước công dân: 030084010132; địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Số 14, đường T, tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (không có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1952; số căn cước công dân: 030152001087; địa chỉ: Số 14, đường T, tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phúc H kết hôn với nhau ngày 17/02/2016, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại số nhà 14, đường T, khu dân cư N2, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là: số nhà 14, đường T, tổ dân phố N2, thành phố Hải Phòng). Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính

tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đó cuộc sống vợ chồng rơi vào trạng thái căng thẳng. Khoảng từ tháng 3/2021, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến nay chưa về nước. Vợ chồng chị ít khi liên lạc với nhau, anh H không quan tâm đến chị và vợ chồng thường xảy ra cãi vã khi nói chuyện điện thoại. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Đến năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 4, khu N, phường V, tỉnh Quảng Ninh sống. Anh H chặn số điện thoại và zalo của chị nên chỉ có anh H liên lạc được với chị, còn chị không liên lạc được với anh H. Thời gian liên lạc qua điện thoại gần nhất giữa chị và anh H là khoảng tháng 12/2024 khi anh H gọi điện về cho chị để hỏi han về tình hình học tập và sức khỏe của con cái. Từ đó đến nay anh chị không liên lạc với nhau. Chị không biết địa chỉ của anh H ở Hàn Quốc. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Phúc Nam K, sinh ngày 03/02/2016 và Nguyễn Khánh N sinh ngày 07/8/2017. Hiện nay cháu N đang sống cùng chị, còn cháu K đang sống cùng mẹ của anh H là bà Trịnh Thị T. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, đề nghị Tòa án tạm giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Phúc H đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- *Theo công văn số 3885/PA08-Đ1 ngày 19/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện*: Anh Nguyễn Phúc H xuất cảnh ngày 22/4/2021 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

- *Theo xác minh tại công an phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng:* Anh Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/6/1984; số căn cước công dân: 030084010132; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng.

- *Theo xác minh tại tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng*: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Phúc H không chung sống với nhau tại địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của anh chị. Chị M thỉnh thoảng có về thăm con tại gia đình nhà anh H. Trong thời gian sống ở địa phương, anh H sống cùng mẹ đẻ là bà Trịnh Thị T, hiện nay bà T đang nuôi dưỡng một con chung của anh chị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T trình bày*: Sau khi kết hôn, chị M và anh H về chung sống với nhau tại gia đình nhà bà ở số nhà

14, đường T, khu dân cư N2, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là: số nhà 14, đường T, tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng). Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn. Khoảng tháng 3/2021, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến nay chưa về. Anh H thỉnh thoảng có gọi điện thoại về cho bà để hỏi thăm sức khỏe của bà và các con anh H. Bà biết anh H và chị M ít khi liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau và thường xảy ra cãi vã khi nói chuyện điện thoại. Đến năm 2022 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Bà nhận thấy anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bà không biết số điện thoại, địa chỉ của anh H ở Hàn Quốc nên chỉ có anh H liên lạc được với bà, còn bà không liên lạc được với anh H. Thời gian gần đây anh H gọi điện thoại cho bà và bà đã đề cập việc chị M đang xin ly hôn anh ở Tòa án khu vực 9 - Hải Phòng. Anh H có nói với bà là anh đồng ý ly hôn chị M nhưng do công việc hiện nay của anh rất bận nên không thể về nước để giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh có nhờ bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K trong thời gian anh H ở nước ngoài. Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Phúc Nam K, sinh ngày 03/02/2016 và cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/8/2017, hiện cháu K đang sống cùng bà còn cháu N sống cùng chị M. Bà nhất trí để chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡn, trong thời gian anh H không ở Việt Nam bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Bà không yêu cầu anh H và chị M cấp dưỡng nuôi cháu K với bà. Về quan hệ tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu K có nguyện vọng xin được ở với bố và bà nội.

- Cháu N có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- *Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị M và bà Trịnh Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Phúc H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Phúc H. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc Nam K, sinh ngày 03/02/2016 cho anh Nguyễn Phúc H trực tiếp

nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/8/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Hải không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Trịnh Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện không yêu cầu anh H, chị M cấp dưỡng nuôi cháu K. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn là anh Nguyễn Phúc H có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố N2, phường C, thành phố Hải Phòng trước khi xuất cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Phúc H 02 lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị M, anh H, bà T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn với nhau ngày 17/02/2016 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng), nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị M và anh H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H, còn anh H hiện không có mặt ở địa phương, không có quan điểm gửi cho Tòa án. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị M được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Phúc Nam K, sinh ngày 03/02/2016, hiện đang sống cùng mẹ của anh H là bà Trịnh

Thị T và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/8/2017, hiện đang sống cùng chị M. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, đề nghị giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; trong thời gian anh H không ở Việt Nam, chị đề nghị tạm giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M và bà T đều không yêu cầu việc cấp dưỡng. Cháu K xin được ở với bố và bà nội, cháu N xin được ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy đảm bảo đúng nguyện vọng của đương sự trong vụ án và phù hợp nguyện vọng của các con chung, đảm bảo quyền và lợi ích của các con. Chị M và bà T đều không đặt ra việc cấp dưỡng, anh H không có ý kiến gì nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa các bên.

Về quan hệ tài sản: Chị M, bà T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh H không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mơ, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Phúc H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc Nam K, sinh ngày 03/02/2016 cho anh Nguyễn Phúc H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Trịnh Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Phúc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số: 0003852 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng (ghi sổ hộ tịch số 10 ngày 17/02/2016 của UBND phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu